***Vận dụng lý luận giá trị hàng hóa SLĐ để giải quyết tình huống sau: Hai sinh viên A,B cùng tốt nghiệp 1 chuyên ngành, cùng 1 chuyên ngành làm cùng 1 công ty nhưng tiền công nhận được là khác nhau. Nêu các giải pháp để tăng tiền công của người lao động. (Giả định tiền công bằng giá trị hàng hóa sức lao động)***

**A – Lý luận giá trị hàng hóa sức lao động:**

1. Khái niệm sức lao động:

Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một con người đang sống và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó.

Ví dụ: Người lao động trong ngành sản xuất đóng góp vào quá trình sản xuất hàng hóa thông qua công việc như lắp ráp, kiểm tra chất lượng, và đóng gói sản phẩm.

1. Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa:

* Người lao động được tự do về thân thể.

Ví dụ: Trong lịch sử cho thấy, sức lao động của người nô lệ không phải là hàng hóa vì bản thân người nô lệ thuộc sở hữu của chủ nô, họ không có quyền sử dụng sức lao động theo ý muốn của mình.

* Người lao động không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hóa để bán, cho nên họ phải bán sức lao động.

Ví dụ: Để minh họa điều kiện thứ 2 của sức lao động trở thành hàng hóa, ta có thể xem xét trường hợp của một người lao động trong ngành xây dựng: Người này có sức lao động để tham gia vào việc xây dựng các công trình, nhưng họ không sở hữu các tư liệu sản xuất quan trọng như máy móc, vật liệu xây dựng, hay đất đai để bắt đầu một dự án xây dựng.

Do thiếu các tư liệu sản xuất này, người lao động không thể tạo ra hàng hóa (ví dụ: công trình xây dựng) để bán trực tiếp. Thay vào đó, họ phải bán sức lao động của mình cho nhà đầu tư hoặc công ty xây dựng. Bằng cách này, người lao động chấp nhận một mức lương hoặc một hợp đồng lao động để sử dụng sức lao động của mình và tham gia vào quá trình sản xuất. Trong trường hợp này, sức lao động trở thành hàng hóa khi được bán và sử dụng trong quá trình sản xuất nhưng người lao động không sở hữu sản phẩm cuối cùng.

1. Thuộc tính của hàng hóa sức lao động:
2. Giá trị của hàng hóa sức lao động:

Giá trị của hàng hóa sức lao động cũng do số lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động quyết định.

Các bộ phận hợp thành giá trị của hàng hóa sức lao động:

* Giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất và tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động.

Ví dụ: Người lao động cần chi trả cho những yếu tố như thức ăn, nước uống, chỗ ở, và quần áo để duy trì sức khỏe và khả năng làm việc. Giá trị của những tư liệu này là một phần của chi phí sinh hoạt hàng ngày, nhưng nó cũng đóng góp vào quá trình tái sản xuất sức lao động, làm cho người lao động có khả năng tiếp tục công việc.

* Phí tổn đào tạo người lao động.

Ví dụ: Nếu người lao động phải trả tiền cho việc đào tạo hoặc học nghề để có kỹ năng cần thiết trong công việc, chi phí đào tạo này trở thành một phần của giá trị sức lao động. Điều này bao gồm cả việc chi trả cho các khoá đào tạo, học phí, hay chi phí cho các chứng chỉ cần thiết.

* Giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất và tinh thần) nuôi con của người lao động.

Ví dụ: Chi phí nuôi con, bao gồm thức ăn, giáo dục, y tế, và các nhu cầu khác, tạo ra một chi phí sinh hoạt cần thiết cho người lao động có gia đình. Đối với người lao động, giá trị này không chỉ là chi phí cá nhân mà còn là một phần của giá trị sức lao động, vì nó ảnh hưởng đến khả năng lao động duy trì và tái sản xuất trong thời gian dài.rình sản xuất hàng hóa và hình thành giá trị cuối cùng của sản phẩm. Đồng thời, chúng thể hiện sự phân chia giữa lao động trực tiếp và gián tiếp, cũng như vai trò của các tư liệu và phương tiện sản xuất.

1. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động:

Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động cũng là để thỏa mãn nhu cầu của người mua.

Người mua hàng hóa sức lao động mong muốn thỏa mãn nhu cầu có được giá trị lớn hơn, giá trị tăng thêm. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động được thể hiện qua quá trình sử dụng sức lao động.

Hàng hóa sức lao động là loại hàng hóa đặc biệt, khác với hàng hóa thông thường ở chỗ:

* Mang yếu tố tinh thần và lịch sử.
* Trong khi sử dụng hàng hóa sức lao động, không những giá trị của nó được bảo tồn mà còn tạo ra được lượng giá trị lớn hơn.

Nguồn gốc của giá trị thặng dư là do hao phí sức lao động mà có.

Ví dụ: Một chủ tư bản thuê công nhân dệt vải. Giá trị sử dụng sức lao động của người công nhân dệt là kỹ năng, năng suất lao động của người công nhân khi lao động dệt vải. Trong quá trình làm việc, người công nhân sử dụng tư liệu sản xuất của chủ tư bản để tạo ra hàng hóa cho chủ tư bản. Và giả sử toàn bộ số tư liệu sinh hoạt nuôi dưỡng và duy trì sức lao động 1 tháng là 12 triệu (bao gồm: thực phẩm, quần áo, y tế, giáo dục, giải trí,…). Nhưng khi làm việc với chủ tư bản người công nhân có thể tạo ra giá trị gia tăng vào sản phẩm là 20 triệu. Chênh lệch giữa 12 triệu và 20 triệu là giá trị thặng dư mà chủ tư bản chiếm đoạt. Việc này cho thấy hàng hóa sức lao động có giá trị sử dụng đặc biệt: khi sử dụng nó không những giá trị của nó được bảo tồn mà còn tạo ra được lượng giá trị lớn hơn.

**B – Tình huống: Hai sinh viên A,B cùng tốt nghiệp 1 chuyên ngành, cùng 1 chuyên ngành làm cùng 1 công ty nhưng tiền công nhận được là khác nhau.**

Tiền công được xem là biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa sức lao động. Giá trị hàng hóa sức lao động hợp thành từ giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết cho bản thân người lao động, phí tổn đào tạo lao động và giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết cho con của người lao động.

Giả sử A có tiền công cao hơn B. Đầu tiên, cần xem xét tiền lương phải đảm bảo mua được lượng hàng hoá và dịch vụ cần thiết đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần để người lao động sống và hoạt động bình thường trong môi trường sống và lao động của họ. A có thể có nhu cầu sinh hoạt cao hơn B, ví dụ một chế độ ăn uống dinh dưỡng và đầy đủ hơn nhưng cũng làm tăng khả năng tái tạo sức lao động và bồi dưỡng thể lực và trí óc, năng suất lao động của A.

Thứ hai, phí tổn đào tạo người lao động cũng rất đa dạng. Ngoài bằng cấp và sự giáo dục trên trường lớp, các yếu tố như kỹ năng mềm, khả năng ngoại ngữ, kinh nghiệm làm việc cũng cần thiết và góp phần tăng giá trị sức lao động. Nếu một người đã đầu tư nhiều hơn vào việc học thêm kỹ năng khác để phục vụ cho công việc, điều này làm tăng chi phí đào tạo góp phần làm tăng giá trị sức lao động của họ. Ví dụ, cùng một công việc với B nhưng có thể A có thêm khả năng ngoại ngữ, giúp ích cho công việc của mình.

Cuối cùng, sự khác biệt giữa A và B về giá trị những tư liệu cần thiết để nuôi con của người lao động, nhằm thay thế và bổ sung cho thị trường lao động. Khi người A có nhiều con hơn hoặc nói cách khác giá trị tư liệu sinh hoạt để nuôi con của A nhiều hơn bao gồm: cung cấp cho con điều kiện vật chất như ăn mặc, ngủ nghỉ hay điều kiện về mặt tinh thần như vui chơi giải trí, đầu tư cho con ăn học, phát triển nhiều kỹ năng khác. Nói chung A sử dụng nhiều tư liệu sinh hoạt cần thiết để bổ sung cho thị trường lao động nên giá trị của hàng hóa sức lao động của A cao hơn.

**C - Các giải pháp để tăng tiền công của người lao động. (Giả định tiền công bằng giá trị hàng hóa sức lao động)**

Vì tiền công bằng giá trị của hàng hóa sức lao động nên để tăng tiền công của người lao động thì cần phải tăng giá trị hàng hóa sức lao động của người lao động.

Giá trị của hàng hóa sức lao động được quyết định bởi số lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất sức lao động. Giá trị của hàng hóa sức lao động do các bộ phận sau đây hợp thành: Giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (cả vật chất, tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động; Phí tổn đào tạo người lao động; Giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất và tinh thần) để nuôi con của người lao động. Vì vậy, các giải pháp để tăng giá trị của hàng hóa sức lao động là:

- *Nâng cao các giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết( cả vật chất lẫn tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động* chẳng hạn như phải bảo đảm mua được lượng hàng hóa và dịch vụ cần thiết đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần để người lao động sống và hoạt động bình thường trong môi trường sống và lao động của họ.

**Ví dụ như:** Muốn tăng giá trị sức lao động của mình thì công nhân sẽ đáp ứng về sức khỏe và tinh thần của mình như: chủ động tham gia BHYT; có chỗ ở sinh hoạt phù hợp; có chế độ ăn uống, sinh hoạt, làm việc lành mạnh; có chế độ nghỉ ngơi thích hợp tránh căng thẳng tinh thần,...

- *Tăng cường chi phí đào tạo người lao động* để họ có được trình độ lành nghề thích hợp. Bởi vì người lao động tham gia vào quá trình sản xuất không chỉ dựa vào thể lực mà còn sử dụng cả trí tuệ nữa. Không những thế, sản xuất ngày càng phát triển, lao động ngày càng phức tạp nên chi phí đào tạo ngày càng tăng. Những người lao động làm việc trong các lĩnh vực khác nhau, với trình độ lao động khác nhau (lao động giản đơn hoặc lao động phức tạp) có phí tổn đào tạo khác nhau nên mức độ thỏa mãn nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần để duy trì sự sống và hoạt động bình thường cũng khác nhau. Vì vậy, giá trị sức lao động của những người lao động giản đơn và lao động phức tạp có sự chênh lệch.

**Ví dụ như:** Thường xuyên cập nhật công nghệ mới, những cải tiến mới trong công việc của mình; tham gia các lớp học đào tạo về chuyên môn ngành nghề của mình; học tập trau dồi kiến thức từ mọi người xung quanh;...

- *Bảo đảm nuôi được con cái người lao động*. Bởi vì, tái sản xuất sức lao động không chỉ về chất lượng mà còn về số lượng. Con cái người lao động chính là lực lượng thay thế và bổ sung cho thị trường sức lao động. Quy mô một gia đình Việt Nam hiện nay trung bình có hai con, nên mỗi người lao động phải bảo đảm nuôi được ít nhất một con.

**Ví dụ như:** Phải đảm bảo được các điều kiện cần thiết như ăn mặc, đi lại cho con cái người lao động; có các hoạt động về giáo dục và giải trí phù hợp cho trẻ,… Từ đó, tạo ra được môi trường thuận lợi để con của người lao động phát triển và sẽ là nguồn nhân lực cho tương lai..